

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2018/DS-PT

Ngày: 30-10-2018

V/v tranh chấp ranh giới QSD đất
và tài sản gắn liền trên đất, quyền
đối với bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Ông Huỳnh Thanh Tấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 160/2018/TLPT- DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp ranh giới QSD đất và tài sản gắn liền trên đất, quyền đối với bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông Lê Văn S, sinh năm: 1967;

1.2. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1968.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lưu Văn B (9 B), sinh năm: 1964;

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho ông B là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2018).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Trần Văn L, Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người giám định*: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, địa chỉ: phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

- *Người đại diện*: Bà Trần Kim P, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm, ông Trần Văn C, chức vụ: Kiểm định viên.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

- *Người kháng cáo*: Ông Lưu Văn B, bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Năm 1992 do nhà bị ngập nước nên ông bà xây bó đô nền và làm nhà tường, nền lót gạch bông, nhà ông B, bà T là hộ liền kề xin câu thép nhờ vào đô bó nền của ông bà để tôn nền nhà lên cao, do nhà ông B, bà T là nhà gỗ mái lợp tol nên ông bà cho câu nhờ. Năm 2013 ông B, bà T làm nhà tường, cột bê tông cốt thép, sợ nhà bị ảnh hưởng nên ông, bà không đồng ý cho câu, nhưng ông B, bà T vẫn câu, vì vậy ông bà có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Tân T yêu cầu giải quyết. Xã đã mời hai bên đến hòa giải nhưng không thành, đồng thời xã lập biên bản yêu cầu ông B, bà T tạm ngừng thi công chờ các ngành liên quan giải quyết, nhưng ông B, bà T không chấp hành mà tiếp tục thi công công trình. Do ông B, bà T câu thép vào đô bó nền nhà của ông bà, do đó hiện nay nhà của ông bà bị nứt tường và nền nhà bị lún.

Đối với ranh giới quyền sử dụng đất và thoát nước mưa: Phần đất phía đối diện với nhà của ông bà bên kia đường tại thửa 1059, ông B, bà T lấn ranh qua chiều ngang 0,2m, chiều dài 30m và máng xối thoát nước mưa của nhà ông B, bà T, mỗi khi trời mưa, nước mưa chảy qua đất làm cho việc sử dụng đất gặp khó khăn.

Nay ông bà có ý kiến và yêu cầu như sau:

- Đối với ranh giới quyền sử dụng đất và thoát nước mưa của thửa 1059 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng, xác định ranh đất giữa đất của ông bà với đất của ông B, bà T theo sơ đồ đo đạc và thẩm định ngày 28/8/2015: Phía giáp lộ nhựa là từ điểm 09 đến các điểm 08-07-06-05-10-11-12-13. Ông B, bà T phải khắc phục máng xối nhà tại các vị trí là điểm số 03, từ điểm 05 đến điểm 10 và từ điểm số 11 đến điểm

số 12 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2015, vì khi trời mưa, nước mưa chảy sang đất của ông bà.

- Phần 08 đoạn thép sau nhà giáp rạch Đốc Vàng T: Yêu cầu ông B, bà T phải cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m đưa qua nhà của ông bà, cụ thể tại vị trí sát với cột nhà ông B từ mặt đất lên 0,6m có 04 đoạn, tại vị trí từ mặt đất lên 1,8m 04 đoạn (theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/CBKĐ-TTKĐ, ngày 07/03/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng). Nếu yêu cầu cắt 08 đoạn thép từ nhà ông B nối qua nhà ông bà được chấp nhận mà ông bà chưa hoặc không thực hiện theo kiến nghị của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thì mọi thiệt hại về tài sản của ông bà, ông bà tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu ai phải bồi thường.

- Về đô bó nền và đà xây nhà của hai bên phía rạch Đốc Vàng T thì giữ nguyên hiện trạng, không yêu cầu giải quyết. Những nội dung khác không có yêu cầu, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về chi phí thẩm định, đo đạc và định giá: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài những yêu cầu nêu trên, ông bà không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Lưu Văn B, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Đối với tranh chấp cắt 08 đoạn thép sau nhà giáp rạch Đốc Vàng T từ nhà ông bà sang nhà ông S, bà Đ, ông bà có ý kiến như sau:

Năm 1991 ông bà làm nhà gỗ, đến năm 1995 ông S, bà Đ xây bó nền, ông bà có hùn với ông S để làm cây đà xuôi và vách tường bó nền để bơm cát.

Năm 2001 ông bà xây bó nền cặp bờ rạch Đốc Vàng T dài hơn nhà cũ khoảng hơn 2m, bên ông S chưa làm, ông S nói khi đổ đà thì chừa râu thép để ông S, bà Đ câu sang cho cứng nền cả hai bên, ông S, bà Đ sẽ trả lại tiền thép, do đó ông bà chừa râu thép theo yêu cầu của ông S, khi ông S, bà Đ làm nhà đã câu vào thép do ông bà chừa ra, nhưng ông bà không nhận tiền thép của ông S, bà Đ.

Năm 2002 ông S bà Đ tháo vách thiếc và mua gạch của ông bà để xây vách trên cây đà mà trước đây ông bà đã xây thêm chưa sử dụng, chỉ bó nền để bơm cát. Năm 2012 ông bà tháo vách gỗ, đổ một cây đà độc lập, xây gạch cặp theo cột gỗ trên cây đà mà ông bà mới làm thêm. Năm 2013 ông bà tháo toàn bộ nhà gỗ, đổ cây đà mới to hơn, chông lên cây đà cũ, cấy cột bê tông cốt thép trên đà mới để xây vách tường cho kiên cố. Do vậy ông bà làm đà, đổ cột và xây tường không liên quan gì đến nhà của ông S và khoảng cách từ vách tường nhà ông bà sang tường nhà ông S đã bỏ ra 0,2m.

Đối với ranh đất phía bên kia đường: Khi làm nhà giáp với đất của ông S từ đường vào đã chừa ra 0,3m, phía sau chừa ra 1,2m ông bà không lấn ranh đất của ông S, bà Đ như họ trình bày. Đối với máng xối bên hông nhà, ông bà đã khắc phục bằng cách chặn đầu máng xối, nên nước mưa không chảy qua đất của ông S được.

Nay ông bà có ý kiến như sau:

- Đồng ý cắt phần râu thép, nhưng cắt phía bên trong cột nhà ông S. Theo thẩm định thì phía mé rạch Đốc Vàng T ông bà có một cột rộng khoảng 20cm, cao khoảng

60cm và 08 đoạn thép dài 0,96m, đường kính 12mm, sau khi cắt thép, ông bà không yêu cầu ông S, bà Đ phải trả lại tiền giá trị cây cột và giá trị của 08 đoạn thép.

- Về ranh giới quyền sử dụng đất: Đề nghị xác định phía bên hông nhà từ lộ vào, tính từ tường nhà ông sang đất của ông S là 0,2m, phía sau hậu từ tường nhà ông ra đất của ông S một đoạn là 0,65m và một đoạn là 0,55m. Về máng xối nước mưa từ mái nhà của ông bà không chảy sang đất của ông S.

Theo Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng thể hiện nội dung như sau:

Thép đà nhà ông Lưu Văn B tại trục 4'-C cốt + 1,8m và cốt + 0,6m đưa qua nhà ông Lê Văn S một đoạn 0,96m, hiện trạng thép tại hai vị trí nêu trên của đà giằng bó nền nhà ông Lê Văn S có liên kết với đoạn thép do việc thi công của nhà ông Lưu Văn B đưa qua.

Kiến nghị: Đề giải quyết tranh chấp giữa hai bên, cắt đoạn thép đà bó nền nhà của ông Lưu Văn B (phần đoạn thép đưa sang nhà ông Lê Văn S), thì nhà ông Lê Văn S phải lưu ý một số vấn đề như sau:

- Cần phải bổ sung hệ kết cấu mới từ móng đến độ cao +1,8m để gia cố phần bó nền hiện trạng trục 4'-C, phần kết cấu này phải được liên kết chắc chắn với hệ đà giằng cũ.

- Tại vị trí bó nền trục 4-D do không có cột liên kết để chống đỡ đà giằng này vì vậy cần phải tăng cường hệ kết cấu liên kết đà hiện trạng tại vị trí này để tránh sạt lở, hư hỏng nền và công trình.

Tại phiên tòa người đại diện của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng bà Trần Kim P và ông Trần Văn C có ý kiến:

Qua Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng, công trình nhà ông Lưu Văn B và nhà ông Lê Văn S đã kết luận: Thép đà nhà ông Lưu Văn B tại trục 4'-C cốt + 1,8m có 04 đoạn phi 12mm, dài 0,96m và tại cốt +0,6m có 04 đoạn phi 12mm, dài 0,96m hiện trạng thép hai vị trí nêu trên của đà giằng bó nền nhà ông Lê Văn S có liên kết với đoạn thép do việc thi công nhà ông Lưu Văn B đưa qua.

Tại Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng nêu trên đã thể hiện từ tường nhà ông B sang tường nhà ông S có khoảng cách là 160mm. nên vị trí cắt 08 đoạn thép từ nhà ông B đưa qua nhà ông S tại hai vị trí là: Vị trí trục 4'-C cốt +1,8m và cốt +0,6m được thể hiện trong Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 là phù hợp,

Đối với kiến nghị nêu trong Báo cáo kết quả kiểm định, ông S, bà Đ có cam kết nếu cắt 08 đoạn thép tại hai vị trí nêu trên mà gây thiệt hại hoặc không gây thiệt hại về tài sản của ông S, bà Đ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 42/2018/DS-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án huyện T tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất và việc thoát nước mưa;

Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ (Thửa 1059) với đất của ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T (Thửa 1057, 1058). Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông S và bà Đ (Thửa 1059) với đất của ông B (9 B) và bà T (Thửa 1057, 1058) được xác định từ điểm 09 đến các điểm 08-07-06-05-10-11-12-13 có chiều dài là 25,31m (có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2015 kèm theo);

Buộc ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản liền kề (đất) của ông S và bà Đ trong thửa đất 1059, tại vị trí là điểm số 03, từ điểm 05 đến điểm 10 và từ điểm số 11 đến điểm số 12 (có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2015 kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T về việc cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m;

Buộc ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T phải cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt 1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách hai nhà, có Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng kèm theo.

3. Buộc ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Lê Văn S số tiền kiểm định, tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.936.500đ (Hai triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng);

Tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông S có đơn yêu cầu thi hành án mà ông B và bà T chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;

Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ được nhận lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 020260 ngày 01/6/2015 (6.450.000đ - 6.250.000đ), nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2018 ông Lưu Văn B, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm xử, ông bà không đồng ý cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách hai nhà. Ông bà đồng ý cắt 08 đoạn thép, nhưng cắt phía trong cột nhà ông S, bà Đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lưu Văn B, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Trần Văn L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T về việc cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m, giữ nguyên hiện trạng 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa nhà ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn S, bà Đỗ Thị Đ yêu cầu ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách giữa hai nhà (theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/CBKĐ-TTKĐ, ngày 07/03/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Nếu yêu cầu cắt 08 đoạn thép từ nhà ông B, bà T nối qua nhà vợ chồng ông S được chấp nhận mà vợ chồng ông S chưa hoặc không thực hiện theo kiến nghị của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thì mọi thiệt hại về tài sản, vợ chồng ông S tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu ai phải bồi thường.

Ông B, bà T đồng ý cắt 08 đoạn râu thép, nhưng cắt phía bên trong cột nhà ông S, bà Đ chứ vợ chồng ông không đồng ý cắt 08 đoạn thép tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách hai nhà theo bản án sơ thẩm của Tòa án huyện T đã xét xử, vì nếu cắt 08 đoạn thép tại vị trí nêu trên theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/CBKĐ-TTKĐ, ngày 07/03/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình

xây dựng mà vợ chồng ông S không gia cố theo kiến nghị của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng sẽ làm ảnh hưởng đến căn nhà của vợ chồng bà.

Sau khi án sơ thẩm xử, ông B, bà T có đơn kháng cáo không đồng ý cắt 08 đoạn thép tại vị trí trục 4'-C cốt 1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách giữa hai nhà theo bản án sơ thẩm của Tòa án huyện T đã xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/CBKĐ-TTKĐ, ngày 07/03/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng kết luận nếu cắt 08 đoạn thép đà bó nền nhà của ông Lưu Văn B (phần đoạn thép đưa sang nhà ông Lê Văn S), thì nhà ông Lê Văn S phải lưu ý một số vấn đề như sau:

- Cần phải bổ sung hệ kết cấu mới từ móng đến độ cao +1,8m để gia cố phần bó nền hiện trạng trục 4'-C, phần kết cấu này phải được liên kết chắc chắn với hệ đà giằng cũ.

- Tại vị trí bó nền trục 4-D do không có cột liên kết để chống đỡ đà giằng này vì vậy cần phải tăng cường hệ kết cấu liên kết đà hiện trạng tại vị trí này để tránh sạt lở, hư hỏng nền và công trình.

Theo kết luận và kiến nghị của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng, xét án sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông B, bà T cắt 08 đoạn thép tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách giữa hai nhà là chưa có căn cứ. Bởi vì, nếu cắt 08 đoạn thép tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách 160mm là khoảng cách giữa hai nhà thì nhà vợ chồng ông S sẽ bị sạt lở dẫn đến căn nhà bị nghiêng đổ, bị sập làm ảnh hưởng và thiệt hại chung cho cả hai căn nhà của vợ chồng ông S và nhà của vợ chồng ông B, vì khi cắt 08 đoạn thép tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa khoảng cách hai nhà là 160mm, thì gia đình ông S phải bổ sung hệ kết cấu mới từ móng đến độ cao +1,8m để gia cố phần bó nền hiện trạng trục 4'-C, phần kết cấu này phải được liên kết chắc chắn với hệ đà giằng cũ và tại vị trí bó nền trục 4-D do không có cột liên kết để chống đỡ đà giằng nên phải tăng cường hệ kết cấu liên kết đà hiện trạng tại vị trí này để tránh sạt lở, hư hỏng nền và công trình. Do đó, để ổn định và tránh gây thiệt hại đến tài sản và nhà giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng để đảm bảo tính liên kết giữa hai nhà theo thỏa thuận giữa hai bên vào năm 2001 là thời điểm ông B, bà T đổ đà ngang và chừa phần râu thép có chiều dài 0,96m sang phần đất bên phía ông S, việc chừa râu thép sang phần đất của ông S, vợ chồng ông cũng đồng ý và cũng không có ý kiến, cho nên vào năm 2002 vợ chồng ông S làm nhà, đổ đà ngang và câu sắt vào các râu thép đà ngang mà bên phía vợ chồng ông B chừa ra nhằm liên kết chắc chắn giữa hai nhà.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà T, không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ yêu cầu ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m, giữ nguyên hiện trạng 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa nhà ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công

trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Do không chấp nhận một phần yêu cầu của ông S, bà Đ nên ông, bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải chịu chi phí kiểm định là 5.673.000đ (ông S đã tạm ứng và đã chi xong).

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông B, bà T không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B) và bà Nguyễn Thị T về việc cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m, giữ nguyên hiện trạng 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa nhà ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 245; Điều 248; Điều 250 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí số 10/2009/PL- UBTVQH12, ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T.
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất và việc thoát nước mưa.

Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ (Thửa 1059) với đất của ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T (Thửa 1057, 1058). Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông S, bà Đ (Thửa 1059) với đất của ông B (9 B), bà T (Thửa 1057, 1058) được xác định từ điểm 09 đến các điểm

08-07-06-05-10-11-12-13 có chiều dài là 25,31m (có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2015 kèm theo);

Buộc ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản liền kề (đất) của ông S, bà Đ trong thửa đất 1059, tại vị trí là điểm số 03, từ điểm 05 đến điểm 10 và từ điểm số 11 đến điểm số 12 (có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2015 kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T về việc cắt 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m là khoảng giữa hai nhà.

Giữ nguyên hiện trạng 08 đoạn thép phi 12mm, dài 0,96m tại vị trí trục 4'-C cốt +1,8m (04 đoạn) và cốt +0,6m (04 đoạn), giữa nhà ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ đối với ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T theo báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng công trình xây dựng số 07/BCKĐ-TTKĐ ngày 07/3/2017 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

5. Buộc ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ phải chịu chi phí kiểm định là 5.673.000đ (ông S, bà Đ đã tạm ứng và đã chi xong).

6. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định:

- Về án phí:

+ Ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

+ Ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ, được khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 020260 ngày 01/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về chi phí xem xét thẩm định:

+ Ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T phải nộp 100.000đ, do ông S, bà Đ đã tạm ứng và đã chi xong, nên ông B, bà T có trách nhiệm trả lại cho ông S, bà Đ số tiền trên.

7. Án phí phúc thẩm: Ông Lưu Văn B (9 B), bà Nguyễn Thị T không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông B, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0001892 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Trần Phước Hội